

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

Bản án số: 45/2025/HS-ST
Ngày 10 - 4 - 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Huyền và ông Ngô Thế Uy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Thêu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

HOÀNG HỮU D; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 20 tháng 9 năm 2006 tại Bắc Kạn; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Hữu Đ và bà Hoàng Thị H; Vợ con: Chưa có; Tiền án; tiền sự: Không;

Bị cáo hiện nay bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh B theo Lệnh tạm giam của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B. Có mặt.

- Bị hại: Bà Hoàng Thị Ngọc Á; sinh năm 1989; Trú tại: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Hứa Long N; Sinh ngày 17/7/2009; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của anh Hứa Long N:

+ Bà Hoàng Thị Ngọc Á (Mẹ của N); Sinh năm 1989. Có mặt.

+ Ông Hứa Văn H1 (Bố của N); Sinh năm 1985. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hứa Văn H1 là bà Hoàng Thị Ngọc Á. Có mặt.

Anh N, ông H1, bà Á đều có địa chỉ tại: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

2. Anh Bàn Nguyên K; Sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

3. Anh Hoàng Quý N1; Sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ B, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, ngày 27/8/2024 Hoàng Hữu D, sinh ngày 20/9/2006, trú tại thôn Bản Đồn, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn Dương nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô do anh Hứa Long N sinh ngày 17/7/2009, trú tại thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (đang học tại trường Cao đẳng N3 thuộc tổ I, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn) đang quản lý, sử dụng. Để thực hiện ý định đó, D đã dùng điện thoại Iphone 7 plus, màu đen của mình gọi, bảo N xuống nhà D, đón D lên thành phố B. Khi nhận được điện thoại của D, N một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh, biển kiểm soát 97AD – 009.57 xuống đón D. Khi quay lên thành phố B, đến đoạn đầu đường đôi vào thành phố B thì N dừng xe, tháo biển kiểm soát và rủ D “bóc đầu xe” (tức là điều khiển xe đi bằng một bánh sau) nhưng sau đó cả hai không thực hiện mà tiếp tục đi lên thành phố B. Khi đi đến ngã ba đường rẽ từ đường P vào đường N, để thực hiện ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô, nên D đã nói dối N là mượn xe để đi đón bạn. Khi về đến cổng trường Cao đẳng N3 thuộc tổ I phường P, thành phố B, D tiếp tục hỏi mượn xe mô tô của N. N vì tin tưởng D nên đã giao xe cho D (N vẫn giữ biển kiểm soát xe).

Sau khi nhận xe từ N, D điều khiển xe ngược ra ngã ba đường đường Nguyễn Văn T giao với đường P và gọi điện cho Bàn Nguyên K, sinh năm 1994, trú tại thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (là người Dương quen từ trước) để trao đổi việc bán chiếc xe và hẹn mang xe mô tô xuống ngã ba T thuộc tổ G, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn để xem xe. Quá trình trao đổi, D không nói cho K biết chiếc xe trên là do D lừa đảo mang đi bán. Sau khi nghe điện thoại của D xong, K gọi điện thoại cho Hoàng Quý N2, sinh năm 1994, trú tại tổ B, phường X, thành phố B hẹn đến ngã ba T để cùng xem xe.

Khoảng 17 giờ ngày 27/8/2024, D điều khiển chiếc xe mô tô đi đến ngã ba T để gặp K, lúc này N2 cũng đang có mặt ở đó. Sau khi xem xe, K thống nhất sẽ mua xe với D với giá 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Thỏa thuận với D xong, K trao đổi bán chiếc xe mô tô trên cho N2 với số tiền 8.200.000đ (Tám triệu hai trăm nghìn đồng). Sau đó, N2 chuyển số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) qua tài khoản cho Bàn Nguyên K, đồng thời đưa cho K 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền mặt. Khi nhận được tiền do N2 chuyển thì K đã chuyển số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) từ tài khoản của K đến tài khoản số 0339523970 của D mở tại Ngân hàng M1.

Vì không thấy D mang xe mô tô về trả nên N đã gọi điện cho D để hỏi. Lúc này, D nói dối N là chiếc xe mô tô bị Cảnh sát giao thông tạm giữ nên chưa trả được xe. Sau đó, N thông tin cho gia đình về sự việc, và mẹ của N là bà Hoàng Thị Ngọc Á

sinh năm 1989, trú tại thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn— chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô đã đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố B để trình báo.

Ngoài ra, trước đó vào ngày 24/8/2024 Hoàng Hữu D rủ Hứa Long N xuống nhà D ở thôn Bản Đồn, xã H chơi và được N đồng ý. Khoảng 14 giờ ngày 24/8/2024, N một mình đi xe mô tô đến nhà D. Do cần tiền tiêu sài nên D nảy sinh ý định đi mua trả góp chiếc điện thoại để đem bán lấy tiền. D trao đổi với N về việc: D mượn chiếc điện thoại Iphone 8 plus, màu vàng của N bán lấy tiền rồi D mua trả góp một chiếc điện thoại Iphone13 Promax và bán chiếc điện thoại mới mua này để lấy tiền mua cho N một chiếc điện thoại Xsmax. Trường hợp, nếu không mua trả góp được điện thoại mới thì D sẽ mua cho N chiếc điện thoại Iphone 8 plus khác. Được sự đồng ý của N, vào khoảng 15 giờ cùng ngày, N cùng D đi bán chiếc điện thoại di động của N cho cửa hàng điện thoại “Tuấn Nga M” tại thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn được số tiền 2.100.000đ (Hai triệu một trăm nghìn đồng). Do có thỏa thuận từ trước nên D là người trực tiếp nhận số tiền bán điện thoại do anh Trịnh Anh T1 sinh năm 1995, trú tại tổ A, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (là chủ cửa hàng “Tuấn Nga M”) chuyển khoản đến tài khoản số 0339523970 của D mở tại Ngân hàng M1. Sau khi bán điện thoại xong, N chở D quay về Bắc Kạn. Lúc này, N đi về trường Cao đẳng N3, còn D đi hỏi mua trả góp điện thoại. Khi D đến cửa hàng điện thoại “B” thuộc tổ F, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn hỏi mua trả góp chiếc điện thoại Iphone 13 Promax thì được nhân viên cửa hàng trả lời cần phải cung cấp 02 (hai) số điện thoại của người thân để xác nhận làm thủ tục trả góp (do D chưa đủ 18 tuổi). Vì sợ bố mẹ phát hiện, do đó D không làm thủ tục trả góp mua điện thoại nữa. Số tiền 2.100.000đ (Hai triệu một trăm nghìn đồng) này, D đã tiêu xài cá nhân hết. Khi N hỏi D về chiếc điện thoại mua trả góp thì D cho N biết không mua được và N đã đồng ý để D hoặc là trả lại số tiền 2.100.000đ hoặc là mua điện thoại cho N.

Cơ quan điều tra tiến hành tạm giữ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 97AD-009.57, màu xanh (xe cũ đã qua sử dụng); 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 97000940 mang tên Hoàng Thị Ngọc Á; 01 (một) Căn cước công nhân số 006209002081 mang tên Hứa Long N; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, đã qua sử dụng, số máy MG502LL/A; số IMEI 354448061755784 của Bàn Nguyên K; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, số máy: MNQW2LL/A; Số IMEI:353814085540299, bên trong không có sim điện thoại; 01 (một) ốp nhựa màu đen (đều đã qua sử dụng) của Hoàng Hữu D.

Đối với số tiền 7.000.000 đ (Bảy triệu đồng) Hoàng Hữu D có được do phạm tội mà có và số tiền 2.100.000đ (Hai triệu một trăm nghìn đồng) là số tiền bán chiếc điện thoại Iphone 8 plus màu vàng của N, do D đã chi tiêu hết nên không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 8 plus màu vàng của N bán tại cửa hàng điện thoại “Tuấn Nga M”, chủ cửa hàng điện thoại đã bán chiếc điện thoại này cho người khác, không có cơ sở để xác định được người đã mua lại chiếc điện thoại này nên không thu giữ được điện thoại.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 97AD-009.57 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Hoàng Thị Ngọc Á, sinh năm 1989, trú tại thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 144/KL-HĐĐGTSTXTTTHS ngày 05/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) xe mô tô BKS 97AD – 009.57, nhãn hiệu HONDA số loại WAVE, xe đã qua sử dụng, giá trị tài sản là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 12/KL-HĐĐGTSTXTTTHS ngày 14/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) điện thoại Iphone 8 plus, màu vàng, dung lượng 64GB, đã qua sử dụng, giá trị tài sản là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra, truy tố, Hoàng Hữu D đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của D phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án này, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh B khởi tố và bắt tạm giam về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự (Quyết định khởi tố bị can số 53/QĐ-VPCQCSĐT ngày 26 tháng 3 năm 2025).

** Về trách nhiệm dân sự:*

Trong giai đoạn điều tra, Hoàng Hữu D đã trả lại cho Hứa Long N số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) là giá trị chiếc điện thoại của N mà D và N đã cùng đi bán.

Bà Á và N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm trong vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Quý N1 đã nhận lại từ Bàn Nguyên K số tiền 8.200.000đ (Tám triệu hai trăm nghìn đồng) là số tiền K nhận của Ngân khi bán xe mô tô BKS 97AD – 009.57. Anh N1 không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bàn Nguyên K yêu cầu bị cáo Hoàng Hữu D bồi thường số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) là số tiền D nhận của K khi bán xe mô tô BKS 97AD – 009.57. Bị cáo nhất trí bồi thường cho K.

Tại Cáo trạng số 17/CT-VKSTPBK ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn truy tố Hoàng Hữu D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

** Tại phiên tòa:*

- Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi vi phạm của mình. Bị cáo có đơn nộp tại phiên tòa đề nghị xin miễn án phí.

- Chị Hoàng Thị Ngọc Á có ý kiến: Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Chị đã nhận lại chiếc xe mô tô. Không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Ngoài ra, chị Á không có yêu cầu, đề nghị gì thêm trong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Bàn Nguyên K yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.000.000 đ (Bảy triệu đồng), ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Bị cáo nhất trí bồi thường cho anh Bàn Nguyên K số tiền 7.000.000 đ.

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt:

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Quý N1 xác định: Anh giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra, anh đã nhận lại số tiền 8.200.000 đ từ B, ngoài ra không có yêu cầu, đề nghị gì thêm trong vụ án.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hứa Long N có ý kiến: Xác định chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97 AD-009.57 là tài sản của bà Hoàng Thị Ngọc Á. Anh xác nhận bà Á đã nhận lại được chiếc xe trên, đồng thời, anh cũng đã nhận lại từ bị cáo số tiền 2.500.000 đ là giá trị của chiếc điện thoại của anh mà anh và bị cáo D đã cùng đi bán. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Hữu D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Hữu D từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo do bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi.

+ Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự, Điều 48 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Bàn Nguyên K số tiền 7.000.000 đ (Bảy triệu đồng).

+ Về xử lý vật chứng, tài liệu đồ vật thu giữ trong vụ án: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus, màu đen (đã qua sử dụng) của bị cáo, xác định là phương tiện phạm tội do đó cần tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 (một) ốp nhựa màu đen (đã qua sử dụng) của bị cáo do không còn giá trị nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy

+ Về án phí: Bị cáo Hoàng Hữu D là dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo.

- Bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận. Tại lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập, do bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi vi phạm, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó có đủ cơ sở xác định:

Ngày 27/8/2024, sau khi nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, Hoàng Hữu D đã đưa ra thông tin gian dối (mượn xe mô tô để đi đón bạn) để lừa đảo, mang chiếc xe mô tô của bà Hoàng Thị Ngọc Á mang đi bán lấy tiền để chi tiêu cá nhân. Như vậy, Hoàng Hữu D đã bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 97AD-009.57 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Hoàng Thị Ngọc Á, sinh năm 1989, trú tại thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, chiếc xe trị giá 17.000.000 đ (Mười bảy triệu đồng).

Hành vi vi phạm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Như vậy, hành vi của Hoàng Hữu D đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Từ những căn cứ trên, xét thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn truy tố Hoàng Hữu D về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tội phạm của Hoàng Hữu D đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, tuy nhiên đã làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương.

Bị cáo một mình thực hiện hành vi phạm tội, không có ai tổ chức, xúi giục, giúp sức hoặc cùng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, như vậy vụ án không có đồng phạm.

[4] Về nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án này, bị cáo tiếp tục có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, hiện đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B bắt tạm giam, khởi tố, điều tra, trong một vụ án khác, việc này thể hiện thái độ chấp hành pháp luật của bị cáo không tốt, bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội và thể hiện thái độ ăn năn hối lỗi về việc mình đã gây ra; Bị cáo phạm tội lần đầu, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

Trong thời gian điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong vụ án này, bị cáo không lấy làm bài học để rèn luyện tu dưỡng mà bị cáo lại tiếp tục có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy, việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự, hoặc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường G không đảm bảo hiệu quả giáo dục, phòng ngừa, do đó cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

Trên cơ sở quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, thấy rằng, bị cáo có nhân thân xấu, không có khả năng tự cải tạo, các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa, do đó cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định để đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, cũng cần xem xét tới việc khi thực hiện hành vi phạm tội (ngày 27/8/2024) bị cáo chưa đủ 18 tuổi, dẫn đến nhận thức của bị cáo về pháp luật là chưa thật sự đầy đủ để đưa ra mức án phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, do đó, theo quy định của Bộ luật Hình sự, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bà Hoàng Thị Ngọc Á, anh Hoàng Quý N1, anh Hứa Long N và người đại diện hợp pháp của anh Hứa Long N không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án – Anh Bàn Nguyên K yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.000.000 đ (Bảy triệu đồng) là số tiền mà bị cáo đã nhận của K khi bán chiếc xe mô tô BKS 97AD – 009.57. Bị cáo nhất trí bồi thường. Do đó, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh K số tiền 7.000.000đ.

[7] Về xử lý vật chứng, tài liệu đồ vật thu giữ trong vụ án:

- Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 97AD-009.57, màu xanh (xe cũ đã qua sử dụng); 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 97000940 mang tên Hoàng Thị Ngọc Á; 01 (một) Căn cước công nhân số 006209002081 mang tên Hứa Long N: Xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Hoàng Thị Ngọc Á và anh Hứa Long N, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là có cơ sở, do đó Hội đồng xét xử không tiếp tục xem xét.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, đã qua sử dụng: Xác định là tài sản của anh Bàn Nguyên K. Xét thấy việc Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không tiếp tục xem xét.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus, màu đen (đã qua sử dụng), bên trong không có sim điện thoại: Xác định là tài sản của Hoàng Hữu D, là phương tiện phạm tội. Xét thấy cần tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) ốp nhựa màu đen (đã qua sử dụng): Là tài sản của Hoàng Hữu D, D xác định chiếc ốp đã cũ, không còn giá trị, không yêu cầu lấy lại. Do đó, cần tịch thu, tiêu huỷ.

[8] Về các vấn đề khác:

- Đối với hành vi cùng Hứa Long N đi bán chiếc điện thoại Iphone 8 plus màu vàng của bị cáo: Xác định bị cáo và N đã có sự trao đổi, thống nhất rằng cả hai sẽ cùng nhau đi bán chiếc điện thoại trên để lấy tiền cho D mua trả góp điện thoại mới, sau đó D bán điện thoại đó đi rồi mua điện thoại mới khác trả lại cho N. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đã phát sinh tình huống khách quan dẫn tới bị cáo không thực hiện được cam kết ban đầu nên 2 bên đã thống nhất để D trả lại số tiền bán điện thoại là 2.100.000 đ cho N. Xác định đây là giao dịch dân sự giữa 2 bên, không có căn cứ xác định bị cáo bỏ trốn hay dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt số tiền trên, hay sử dụng số tiền bán điện thoại vào mục đích bất hợp pháp. Kết luận định giá xác định giá trị của chiếc điện thoại là 2.500.000 đ. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét, xử lý đối với hành vi trên của D là có cơ sở.

Ngoài ra, hiện nay bị cáo đã trả lại cho N số tiền 2.500.000 đ, N và người đại diện hợp pháp không có đề nghị gì thêm.

- Đối với Bàn Nguyên K và Hoàng Quý N2 là những người đã tham gia mua, bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97AD-009.57 vào ngày 27/8/2024. Quá trình điều tra xác định K và N2 không hứa hẹn trước với D về việc mua, bán chiếc xe mô tô trên, đồng thời không có căn cứ để xác định khi trao đổi, thoả thuận với nhau về việc

mua bán xe mô tô trên K và N2 biết chiếc xe mô tô là do phạm tội mà có. Do vậy, việc Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với Bàn Nguyên K và Hoàng Quý N2 là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với hành vi giao xe mô tô cho con trai là anh Hứa Long N khi anh N chưa đủ 18 tuổi và chưa có giấy phép lái xe, Cơ quan Điều tra có văn bản đề nghị Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử lý theo quy định. Xác định là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân:

Xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[10] Về án phí:

Bị cáo Hoàng Hữu D là dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Hữu D phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Hữu D 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu hoá giá, nộp ngân sách Nhà nước đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen (đã qua sử dụng), số máy: MNQW2LL/A; Số IMEI: 353814085540299, bên trong không có sim điện thoại.

- Tịch thu tiêu huỷ đối với 01 (một) ốp điện thoại nhựa màu đen (đã qua sử dụng).

(Tình trạng, số lượng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/02/2025 giữa Công an thành phố B, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn).

4. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589, 357, 248 của Bộ luật Dân sự, Điều 48 của Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Hoàng Hữu D bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Bàn Nguyên K số tiền 7.000.000 đ (Bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

5. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Hoàng Hữu D được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người đại diện theo pháp luật của Hứa Long N, anh Bàn Nguyên K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hứa Long N, anh Hoàng Quý N1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày

nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn;
- Công an tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Bắc Kạn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ và người ĐD (5)
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Thị Thu Hòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Huyền

Ngô Thế Uy

Lường Thị Thu Hòa